

Số: 29/2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2025/TT-BYT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

2. Đối tượng áp dụng

Cộng tác viên dân số; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm

1. Số lượng

a) Số cộng tác viên dân số tỉnh Đồng Nai là 4.909 người (Phụ lục phân bổ số lượng cộng tác viên dân số kèm theo).

b) Ủy ban nhân dân xã, phường phân bổ địa bàn phụ trách cho mỗi cộng tác viên dân số đảm bảo mỗi thôn, ấp, khu phố bố trí tối thiểu 01 cộng tác viên

dân số.

2. Nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT và kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ công tác gia đình và trẻ em như sau:

a) Tham gia hoạt động lập kế hoạch và phối hợp triển khai thực hiện các chương trình về bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình ở địa phương.

b) Tuyên truyền luật pháp, chính sách, kiến thức kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác gia đình và trẻ em.

c) Nắm bắt thông tin và phản ánh kịp thời với các hành vi xâm phạm quyền trẻ em, bạo lực gia đình trên địa bàn phụ trách cho cán bộ phụ trách công tác gia đình và trẻ em và chính quyền xã, phường.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

đ) Tham gia các hoạt động khác về công tác gia đình và trẻ em theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý.

3. Quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm

a) Trạm Y tế xã, phường thông báo nhu cầu xét tuyển cộng tác viên dân số đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Các cá nhân có nguyện vọng đăng ký xét chọn cộng tác viên dân số nộp hồ sơ xét chọn tại Trạm Y tế.

c) Trạm Y tế xã, phường căn cứ tiêu chuẩn được quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT thực hiện xét chọn cộng tác viên dân số đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét, phê duyệt.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành quyết định công nhận số lượng (kèm danh sách) cộng tác viên dân số trên địa bàn.

đ) Trạm Y tế căn cứ Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ký hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số và chấm dứt việc thực hiện hợp đồng trách nhiệm đã ký.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định quy trình xét chọn, hợp đồng trách



nhiệm đối với cộng tác viên dân số thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai nhiệm vụ công tác gia đình cho cộng tác viên dân số.

3. Sở Tài chính tham mưu bố trí ngân sách thực hiện các chế độ bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì, hướng dẫn Trạm Y tế xét chọn cộng tác viên dân số theo quy định.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế; Tài chính, Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KS*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Cục Dân số - Bộ Y tế;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Tài). 120b



Lê Trường Sơn





Phụ lục:

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG CÔNG TÁC VIÊN DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 21/4/2026
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Đơn vị	Số lượng công tác viên dân số
1	Phường Bình Long	44
2	Phường Hàng Gòn	31
3	Phường Long Khánh	92
4	Phường Phước Long	35
5	Xã Bàu Hàm	60
6	Xã Bom Bo	30
7	Xã Bù Đăng	37
8	Xã Bù Gia Mập	10
9	Xã Cẩm Mỹ	54
10	Xã Đa Kia	36
11	Xã Đak Lua	7
12	Xã Đak Nhau	27
13	Xã Đăk O	20
14	Xã Dầu Giây	79
15	Xã Định Quán	80
16	Xã Đồng Tâm	38
17	Xã Hưng Phước	14
18	Xã La Ngà	34
19	Xã Lộc Hưng	28
20	Xã Lộc Quang	29
21	Xã Lộc Thành	17
22	Xã Lộc Thạnh	13
23	Xã Long Hà	31
24	Xã Minh Đức	21
25	Xã Nghĩa Trung	36
26	Xã Nha Bích	26
27	Xã Phú Hòa	29

28	Xã Phú Lâm	60
29	Xã Phú Nghĩa	47
30	Xã Phú Trung	16
31	Xã Phú Vinh	27
32	Xã Phước Sơn	34
33	Xã Sông Ray	32
34	Xã Tân Hưng	40
35	Xã Tân Lợi	15
36	Xã Tân Phú	77
37	Xã Tân Quan	37
38	Xã Tân Tiến	34
39	Xã Thanh Sơn	29
40	Xã Thọ Sơn	24
41	Xã Thuận Lợi	26
42	Xã Trảng Bom	120
43	Xã Xuân Đông	53
44	Xã Xuân Hòa	84
45	Xã Xuân Lộc	112
46	Xã Xuân Phú	32
47	Phường An Lộc	33
48	Phường Bảo Vinh	34
49	Phường Biên Hòa	97
50	Phường Bình Lộc	37
51	Phường Bình Phước	92
52	Phường Chơn Thành	39
53	Phường Đồng Xoài	29
54	Phường Hồ Nai	102
55	Phường Long Bình	237
56	Phường Long Hưng	102
57	Phường Minh Hưng	40
58	Phường Phước Bình	35
59	Phường Phước Tân	78
60	Phường Tam Hiệp	157
61	Phường Tam Phước	75
62	Phường Tân Triều	132
63	Phường Trấn Biên	202
64	Phường Trảng Dài	140

65	Phường Xuân Lập	19
66	Xã An Phước	61
67	Xã An Viễn	28
68	Xã Bình An	22
69	Xã Bình Minh	108
70	Xã Bình Tân	27
71	Xã Đại Phước	62
72	Xã Đồng Phú	43
73	Xã Gia Kiệm	71
74	Xã Hưng Thịnh	53
75	Xã Lộc Ninh	29
76	Xã Lộc Tấn	21
77	Xã Long Phước	42
78	Xã Long Thành	89
79	Xã Nam Cát Tiên	13
80	Xã Nhơn Trạch	163
81	Xã Phú Lý	13
82	Xã Phú Riềng	30
83	Xã Phước An	75
84	Xã Phước Thái	59
85	Xã Tà Lài	26
86	Xã Tân An	37
87	Xã Tân Khai	32
88	Xã Thiện Hưng	32
89	Xã Thống Nhất	62
90	Xã Trị An	45
91	Xã Xuân Bắc	36
92	Xã Xuân Định	31
93	Xã Xuân Đường	21
94	Xã Xuân Quế	19
95	Xã Xuân Thành	22
Toàn tỉnh		4.909